

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

TRƯỜNG THPT TỨ KỲ

THÔNG BÁO

CÔNG KHAI THÔNG TIN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC THỰC TẾ CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2024-2025

(Biểu mẫu 10, Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT, ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT)

Stt	Nội dung	Tổng số	Chia theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo rèn luyện	1522	509	511	502
1	Tốt	1475 (96,91%)	495 (97,25%)	486(95,11%)	494(98,41%)
2	Khá	45 (2,96%)	13 (2,55%)	24(4,7%)	8(1,59%)
3	Đạt	1(0,07%)	0	1(0,2%)	0
4	Chưa đạt	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học tập	1522	509	511	502
1	Tốt	1234 (81,08%)	362(71,12%)	405(79,26%)	467(93,03%)
2	Khá	285 (18,73%)	147(28,88%)	105(20,55%)	33(6,57%)
3	Đạt	3 (0,2%)	0	1(0,2%)	2(0,4%)
4	Chưa đạt	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp	1522	509	511	502 (đủ ĐK dự thi TN)
a	Học sinh xuất sắc	215 (14,13%)	40(7,86%)	77(15,07%)	98(19,52%)
b	Học sinh giỏi	1011 (66,43%)	317(62,28%)	326(63,8%)	368(73,31%)
2	Thi lại	0	0	0	0
3	Lưu ban	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến (Số lượng)	3	3	0	
5	Chuyển trường đi (số lượng)	4	3	1	0
6	Bị đuổi học (số lượng)	0	0	0	0
7	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				

1	Cấp tỉnh/ thành phố				
a	Các môn văn hoá	38/42 (90,47%)			38/42 (90,47%)
b	KHKT	2		2/2 (100%)	
c	TDTT	8		6(75%)	2(25%)
2	Quốc gia				
a	KHKT	2		2/2 (100%)	
b	TDTT	1	1(100%)		
V	Số học sinh dự thi tốt nghiệp	500			500
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	500			500(100%)
VII	Số học sinh đỗ ĐH, CĐ (đợt 1)	460/500 (92%)			460/500 (92%)
VIII	Chia theo giới tính	1522	509	511	502
1	Số học sinh Nam	700(46%)	218 (42,83%)	242 (47,36%)	240 (47,81%)
2	Số học sinh Nữ	822(54%)	291 (57,17%)	269 (52,64%)	262 (52,19%)
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	

Từ Kỳ, ngày 31 tháng 8 năm 2025.

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
VŨ VĂN SÁNG